

THỬ BÀN VỀ MẤY NGỘ NHẬN VỀ CON HEO

Phạm Trọng Lệ

Trong không khí vui vẻ đón xuân của Tết Kỷ Hợi, người viết xin thưa trước là trong bài có những từ ngữ tuy đã có sẵn trong tục ngữ và trong từ-điển, nhưng viết lại thì trong một tình huống nào đó, có thể hiểu là thiếu nghiêm túc. Nhưng để giúp thế hệ trẻ con cháu chúng ta khỏi quên những tục ngữ và ca dao của ông bà vốn là một phần của tâm hồn và những nét văn hóa một dân tộc của một thời xa xưa, nên xin độc giả đọc bài phiếm luận “không son phấn” này với tinh thần khoan dung hỉ xả mà lượng thứ cho.

1. Chớ cho heo là con vật lười biếng:

Theo học giả Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, (vị thầy khả kính của kẻ viết bài trong chúng chỉ Ngữ Học Việt Nam tại ĐH Văn Khoa Saigon giữa thập niên 1960s) soạn giả hai cuốn của bộ Việt Nam Tự Điển do nhà sách Khai Trí xuất bản (1970), lợn – hay heo – con vật cuối cùng trong 12 con vật tượng trưng của một giáp trong âm lịch, là giống nuôi ăn thịt, mõm dài, tai lớn, bụng to, móng

chê, nhiều vú, sinh sai (để nhiều con), và là một trong ba con vật hy sinh để cúng thần gọi là lễ tam sinh (dê, nghé, heo) và dùng trong lễ cưới. Lợn đã đi liền với văn hóa “đĩ nông vi bản” của nhiều dân tộc, trong đó có dân Việt. Trong tập thơ Lục Súc Tranh Công (nguru, khuyển, mã, dương, kê, thi), con heo đã giữ một vai trò trọng yếu. Vậy mà khi nói về heo (lợn) thì con người thường dùng những thành ngữ chê bai như “ngu như lợn”, “bản như lợn.” Tiếng Pháp dùng chữ “cochonnerie” để “trò lợn bậy bạ” hay chữ “cochonner” để chỉ “việc làm quénh quáng, bậy bạ.” Tiếng Anh có chữ “To make a pig of oneself” để chỉ “ăn phàm, thô tục như heo,” hay chữ “to pig together” là “ở bản lúc nhúc như heo.”

Có lẽ vì hình dáng của lợn không được oai vệ và lãng mạn như ngựa hay gà, lợn lại không có bộ lông mềm như thỏ hay mèo, khi bình thường lại chỉ kêu những tiếng ừ-ừ, hay chỉ khi bị trói hay chọc huyết (chọc tiết) thì mới kêu eng-éc, không hí vang như ngựa, không sữa hùng dũng như chó; không hề cất tiếng “gáy” ca tụng “của quý” của mình, như chú gà trống sau khi “đạp mái” rồi thì nhón cẳng nhảy lên hàng giậu cao, cất tiếng gáy “cúc-cù-cu-cu...cu...” nghe văng vẳng như đương sự chúc “cái ấy” của mình vì nó đã làm việc đắc lực (?). Lợn cũng không kêu quang-quác và hãnh diện như nàng gà mái, sau khi để được một quả trứng, làm như là một việc to tày trời, tiếng kêu “cục ta cục tác” nghe như “vừa đau vừa rát” cho chín họ mười hàng, làng trên xóm dưới biết công trình của mình.



Hình 1. Postal stamp of the Year of the Pig.

Mà trong các giống, phải kể lợn là con vật *tận tình* nhất. Ai ở nhà quê, xem lợn “đi nước” hẳn phải phục sự tận tụy với “nghĩa vụ” của chú “heo nọc.” Chị lợn nái chỉ đứng “ỳ thần xác,” còn chú heo nọc thì sau khi bị lôi xềnh-xệch từ nhà nọ sang nhà kia [vì thời biểu của anh chàng rất chặt chẽ, nay có nhà này mời, mai lại có nhà khác gọi], tới nơi là “vào việc” liền (Ai dám bảo lợn là loài lười biếng?). Có lẽ vì *chăm việc* quá nên người chàng quất đi. Chúng có là sau sáu bảy tháng, những con lợn bột cùng sinh một lứa với chàng, nhưng bị thiếu (hoạn) để nuôi cho mập bán làm lợn thịt, thì con nào con nấy mập ú, to gấp ba lần chú lợn nọc này.

Trong việc truyền giống, nàng lợn nái thì to, còn chàng heo nọc kiểng hai giò sau, dồn sức lực, hai cẳng trước bám vào cặp hông mập hay lưng tròn của lợn nái. Tội nghiệp chàng, trời sinh chàng móng chẻ, lại không có vuốt sắc hay răng nanh nhọn như mèo hay hổ, để có thể bám hay cắn nhẹ vào gáy con cái, dùng làm điểm tựa trong định luật cân bằng trọng lượng, rồi lại chẳng có thì giờ và khả năng nhìn xem có “đạt mục tiêu” không, có lẽ vì lợn là một con vật lịch sự, và khiêm tốn, không bao giờ ngoài cổ nhìn ngang ngửa - như mấy chàng trai Pháp hay Ý thấy người đẹp như Sophia Loren, hay Brigitte Bardot, hay người mẫu Mỹ Cindy Crawford ở thế kỷ trước, đi qua thì ngoảnh cổ, huyết sáo trăm trờ thán phục một cách ồn ào, lộ liễu vẻ quyến rũ của người đẹp. Đàng này, chàng heo nọc (còn gọi là “lợn cày”), như một anh lính vốn có nhiều “đạn,” bắn liên thanh vào mục tiêu di động, quý hồ *đá* bất quý hồ *tinh*.

“Của quý” của chàng heo nọc – mà một bạn văn của kẻ viết bài là ông nhà báo Ngô Vương Toại, khi còn sinh tiền, hỏi ông làm báo Diễn Đàn Tự Do, trong một phút

ngẫu hứng, sau khi đã châm lửa mỗi thuốc vào ống píp, lim dim nhả khói lên trần tiệm Phở Xe Lửa của ông cựu luật sư tòa Thượng Thẩm Saigon Nguyễn Thế Toàn, mà bạn bè gọi một cách thân mến là Toàn Bò, và với trí tưởng tượng dồi dào, đã ví như cái mở nút chai rượu vang, xoắn tròn ốc, nhanh nhẹn, hình như trong “cái ấy” có một bộ óc thông minh, biết bù trừ cho khuyết điểm của chủ nó. Trong các giống vật trên thế gian có lẽ “cái ấy” của loài heo là thứ có nhiều óc sáng tạo hơn hết. Nếu cái đó còn thông minh như vậy, thì hẳn nhiên chủ nó là chú “lợn hạch” chắc phải thông minh đến đâu! Tiếc thay, chưa có nhà giáo dục nào làm ra trắc nghiệm đo chỉ số thông minh IQ của lợn! Ai dám chê lợn thiếu thông minh? Heo cũng có tim có óc, chứ bộ? Nếu không thì làm sao có món óc heo, và món cháo lòng mà thiếu những lát thịt tim, và gan thái mỏng thì có thành bát cháo lòng được không? Hao tổn tâm lực như vậy mà nàng lợn nái đâu có biết. Chàng tới nàng không chào, chàng đi nàng chẳng màng, có khi chàng đang mải “thi hành nhiệm vụ” thì nàng còn chúi mũi vào chậu bèo tòm-tọt tìm ăn những cánh bèo xanh non có trộn cám thơm và ngọt. Chàng đáng được giải “người (làm) tình tận tụy” trên thế gian này.

Heo không bản không ngu

Người đời có tật là hễ mình có thói xấu nào thì tìm con vật dễ nuôi, dễ tính nhất mà đổ vấy lên đầu. Và chẳng may lợn là con vật bị người đổ cho phần lớn các tật xấu của người. Xin kể vài điều ngộ nhận. Người nào mặt mũi xấu xí, mập, mắt hí, thì bị gọi là có mặt “lợn ỉ”. Lợn ỉ mặt ngắn, da nhăn, tai vênh, lưng vòng, chân thấp, nhưng về phương diện thẩm mỹ của loài lợn thì là một con lợn rất khỏe đẹp đáng mua về nuôi. Chứ sao lại tạo thành một

thành ngữ để chê bai?

Người lại có thành ngữ như “làm biếng như heo,” vì thấy phần lớn heo chỉ ăn ở trong chuồng, thỉnh thoảng trời nắng nóng mới ra dầm mình vào vũng bùn cho mát. Ngày nay nhiều quý bà quý cô phải mất tiền đi spa hay mỹ viện để những chuyên viên thẩm mỹ bôi bùn lên mặt hoa, lên mình ngọc cho da-dẻ tươi mát mịn màng thì sao? Heo không kéo cây như trâu, không kéo xe hay cưỡi như ngựa (*Nhong nhong ngựa ông đã về/cắt cỏ bỏ để cho ngựa ông ăn*), hay để đưa và được ở gần các ông vua bà chúa như nữ hoàng Anh Elizabeth II, hay như cố tổng thống Reagan vào cuối tuần thường cưỡi ngựa ở trang trại của ông, hay như nữ tài tử Elizabeth Taylor (trong phim *National Velvet*) tả một thiếu nữ 12 tuổi, giả trai ghi danh đua ngựa và lại về hàng đầu, khi té mới bung tóc dài lộ ra là con gái. Xứ Anh –một xứ của John Locke mà tư tưởng được Thomas Jefferson đưa vào đoạn đầu của bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ, một xứ đã có những suffragettes--những phụ nữ đấu tranh dành quyền đi bầu--thế mà trong phim đó còn kỳ thị cấm con gái không được làm nài ngựa.

Lợn không giữ nhà như chó, không bắt chuột như mèo, không làm đồng hồ báo thức như gà (*Gà vừa gáy sáng/trời mới rạng đông/Vùng ô đồ ối cánh đồng/Sương mù che phủ mênh mông một vùng*

– Nguyễn Lân--Câu Bé Nhà Quê.) Sỡ dĩ lợn không làm những việc vất vả kia trên là vì đã có những con vật kia làm rồi. Mục đích của lợn là ăn no chóng lớn, sinh nhiều con cho chủ có thịt cúng lễ, hay làm thức ăn hay để bán có thêm lợi tức. Sách *Tam TỰ Kinh* cũng nói về sáu con vật nuôi trong nhà: *Heo gà trâu ngựa muông dê/Ấy là sáu thú hằng lễ dưỡng nuôi* (Tam TỰ Kinh, câu 103-104, TỰ

Diễn Chữ Nôm Trích Dẫn, (Viện Việt Học, 2009, tr. 515).

Hãy nghe lợn kể công của mình (**Lục Súc Tranh Công**)

“*Nội trong hàng lục súc với nhau,
Ai sánh được mình heo béo tốt?
Vua ngự lễ Nam Giao đại đột,¹
Phải có heo mới gọi tam sanh.
Đừng đừng quen lời nói lạnh chanh,
Bớt bớt thói chê ai ăn ngủ.
Kìa những việc hôn nhân giá thú,
Không heo ra, tính đặng việc chi?
Dầu cho mời năm bảy chuyển đi,
Cũng không thấy một người thấp thoáng.
Việc hòa giải, heo đâu công trạng,
Thấy mặt heo, ngườì dạ oán thù,
Nhấn đến khi ngu phụ, ngu phụ,²
Giận nhau đánh giập đầu chảy máu.
Làng xã tới, lao đao láu đáu,
Nào thấy ai gỡ rối cho xong.
Khiêng heo ra để lại giữa dòng
Mọi việc rối liền xong tron trái.
Phải chãng, chãng phải,
Nghĩ lại mà coi:
Việc quan, hôn, tang tế, vô hồi,³
Thấy thấy cũng lấy heo làm trước.”*

¹ Lễ Nam Giao ba năm một lần; đại đột: to lớn

² Vợ chồng ít học

³ *quan*: lễ đội mũ cho thanh niên khi 20 tuổi; *hôn*: thành lập gia đình; *tang*: chôn người chết; *tế*: cúng thần thánh hay người chết

(Nguồn: Bản của Nguyễn Ngọc Huy & Trần Minh Xuân.
Lục Súc Tranh Công, San Jose, CA: nxb Mê-Kông ty nạn,
1991, tr. 69-70.)

Trong câu truyện thơ Lục Súc Tranh Công, viết từ thế kỷ 17, căn cứ vào những từ ngữ dùng trong truyện, tác giả vô danh, nhưng có thể suy ra là người miền Nam Việt Nam, theo gs Nguyễn Ngọc Huy, và **thì** (con heo) tượng trưng bộ Hình (Tư Pháp) (Department of Justice). Truyện này đã được gs Huỳnh Sanh Thông, xưa ở đại học Yale, dịch sang Anh ngữ rất khéo vì đã giữ được giọng khôi hài của nguyên bản, trong cuốn *An Anthology of Vietnamese Poems from the Eleventh through the Twentieth Centuries* (New Haven and London: Yale Univ. Press, 1996), p. 372:

“Which one of all six household beasts outshines me, Pig,
in gorgeous fat?
When kings officiate at the Southern Shrines, I’m needed
for the triple sacrifice.
Leave off your way of gabbling tommyrot— stop sneering
at the way pigs eat or sleep. Look at betrothal vows or
marriage rites— could they occur without a feast of
pork?
You go and beg the world upon your knees: without me, no
one would approach your door! To settle feuds I play
a foremost role—
All hatreds melt in sight of my plump snout. A couple—the
benighted man and wife—
may come to blows and bash each other’s heads. The
neighbors helter-skelter rush in there,
but nobody can disembroil the two.
Now bring me in, make me the centerpiece: all tangled
webs will come unsnarled at once! But is that not the
truth?

Consider it and see,
At weddings, funerals, all formal rites,
I, Pig, boast pride of place and lead the way.”

Nhưng sự thực heo không muốn “ở bản như heo” như thành ngữ người đặt cho. Một nhà văn có tiếng biện hộ cho lợn nói rằng lợn ở bản là vì cách lui tới giao thiệp của con người đặt cho lợn, chứ nếu chỉ sống trong rừng hay nơi hoang dã thì lợn tương đối rất sạch. *Le cochon n'est devenu sale par suite de ses fréquentations avec l'homme. A l'état sauvage, c'est un animal très propre.*(Pierre Loti). Chung quy tại người.

Ở nhà quê Việt Nam xưa, vì muốn dùng chuồng lợn là một nơi chứa phân lẫn rơm rạ mục nát (tiếng Anh gọi là *compost*) làm phân bón ruộng rất tốt, nên người đã coi chuồng lợn là *living room* của lợn, cũng là *bedroom*. Lại là phòng ăn *dining room* của lợn, chỗ đổ cơm thừa canh cặn, bèo hay tấm cám, và phòng hộ-sanh / lâm-bồn của lợn (*maternity/delivery room*). Thành thử nơi ở của lợn mà người xếp đặt cho là nơi lợn làm chuyện tứ khoái (ăn, ngủ, truyền giống, bài tiết), độc có một chỗ. Tệ hơn nữa, có nơi người còn dùng chuồng heo làm W.C. cho người. Thật là không biết ngượng. Mà lợn lại không có chổi quét nhà hay máy hút bụi hiệu Hoover, mà dẫu cho có đi nữa, thì lợn cũng không biết dùng những thứ máy này giỏi như mấy ông chồng gương mẫu tại Mỹ, như vậy hèn nào mà không ở bản? Người mà sống như lợn cũng sẽ bản không kém!

Ở thôn quê, lợn là một nguồn lợi tức quan trọng chỉ kém thóc lúa. Nhà thơ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến trong bài thơ “Nước Lụt Hỏi Thăm bạn,” (là cụ Bùi Văn Quế người làng Châu Cầu huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xưa cùng đỗ cử nhân với nhà thơ), sau khi hỏi

thăm bạn ở hai câu đầu, năm nay lụt lội bác có sao không, thì câu thứ ba đã hỏi thăm bầy heo của bạn và câu thứ tư hỏi thăm mấy gian nếp cái để làm rượu của bạn có hư hại gì không.

*Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu,
Lụt lội năm nay bác ở đâu?
Mấy ổ lợn con rày lớn bé,
Vài gian nếp cái ngập nông sâu?*

Một ngộ nhận nữa là câu “ngu như lợn!” Như đã bàn ở trên, ta thấy heo không ngu. Ai đi săn heo rừng thì biết, giống lợn lòi rất thông minh nhanh nhẹn và nguy hiểm. Ngày xưa tại Anh Pháp Mỹ cũng có thành kiến coi lợn là bẩn, là thô tục, vì ăn không có khăn lau miệng, không có bát, đũa, thìa, hay niễng, dao. Người chỉ đồ cho một đồng bèo thái nhỏ trộn cám hay com nguội, nên khi lợn ăn lại xì xụp như người húp canh (vì phải ăn như vậy mới đưa được bèo lẫn nước lên miệng, nhưng nay tại xứ Mỹ, cách nuôi lợn không còn như thế nữa: từng hàng lợn đứng một chỗ, có máy đưa vò đồ ăn đầy đủ chất bổ đến tận miệng (phải nói là *mồm* mới đúng). Thành thử, như vậy cách nuôi lợn tân tiến đã bớt đi một công việc của mấy nàng dâu Việt tháo vát, làm nhiều việc một lúc, như mấy vị nữ quản trị tài ba CEO ngày nay, đa năng đa hiệu multi-tasking. Công việc đó ở thôn quê là nàng dâu Việt phải dậy sớm cho lợn ăn. Lợn mà đói thì la vang phá chuồng. (*Lợn đói một bữa bằng người đói nửa năm*). Nên các nàng dâu ở nông thôn thường phải giải quyết ba bốn chuyện cấp bách xảy đến cùng một lúc –mà lại cùng ở mức độ gấp rút như nhau--như cảnh tả trong đoạn ca dao dưới đây:

*Đương khi lửa tắt cơm sôi,
Lợn kêu con khóc chồng đòi tòm tem.
Bây giờ bếp đã cháy lên,
Lợn no con nín tòm tem thì tòm.*

(ca dao)

Người Mỹ vốn đã quý các vật cưng như chó mèo như người thân, và cách đây mấy năm của thế kỷ trước lại bắt đầu quý lợn. Con lợn giống Việt bụng phệ (không rõ có thật là giống từ Việt



H. 2. Vietnamese pot-bellied pig

Nam không), có người Mỹ nuôi trong nhà như chó mèo, tắm rửa sạch sẽ, cho lợn thũng thỉnh lên phòng khách, đi lại rong chơi tự do, và gọi là “Vietnamese pot-bellied pig.” Có nhiều vị An-Nam ta thấy Mỹ gọi thế cảm thấy bị méch lòng, có ý trách sao Mỹ dám đem chữ “Vietnamese” đáng yêu của ta để gần chữ “pot bellied pig”, là con vật bụng ồng ta thường chê bai. Thực sự thì không thế.



Hình 3. Three little pigs



Hình 4. Miss Piggy

Trong các truyện của thiếu nhi Mỹ, hay phim hoạt họa Three Little Pigs của Walt Disney, ba chú heo con là những con vật thông minh nhanh nhẹn dùng mưu để không những khỏi bị chó sói ăn thịt mà còn lừa cho chó sói tụt qua ống khói rơi vào thùng nước sôi bị bỏng.

Ai quên được hình nộm Miss Piggy của Jim Henson đã đem lại nhiều tràng cười thoải mái cho trẻ em và người lớn?

Hãy so sánh hình chú lợn trong chiếc tem của sở bưu điện Mỹ. Mặt mũi chú thông minh, đầu ngừng cao, mõm vênh ra, có vẻ nghịch ngợm (ta gọi là “lợn bột”). Có bức tranh Đông Hồ tả một bà lợn sề là một biểu hiệu âm dương hạnh phúc bên năm con quây quần trong bức tranh mộc bản do bác sĩ Pierre Huard sưu tầm để trong thư viện của đại học Yale, mà học giả Nguyễn Ngọc Bích đã khéo chọn và cộng tác với hai học giả và thi sĩ Mỹ là Burton Raffel và W.S. Merwin trong việc dịch thơ Việt sang tiếng Anh trong tập thơ Việt *A Thousand Years of Vietnamese Poetry* do nhà xuất bản Alfred A. Knopf in năm 1976.



Hình 5. Tranh Đông Hồ lợn sề bên năm con quây quần.

Ở một bức hình khác, một bà lợn sề nằm ườn ra, chẳng đeo brassière nịt nâng cao của Victoria's Secret gì sất, trong khi cả đàn con xúm quanh tranh nhau bú vú mẹ. Người mà sinh bốn sinh năm thì báo chí đăng rùm beng, coi như tin sốt dẻo breaking news, khiến nhiều nhà quảng cáo sữa hay tã lót nghe tin đem đồ đến tặng. Lợn đẻ cả mười hai con một lứa, mà có báo nào đăng đâu!



Hình 6. Lợn cho đàn con bú

Trở lại truyện lộn thông minh. Có con lợn mang tên ông vua Pháp Napoleon lừng danh trong truyện *Trại Súc Vật* (*Animal Farm*) của nhà văn Anh George Orwell (tên thật là Eric Blair, 1903-1950, văn sĩ người Anh viết truyện vừa có tính ngụ ngôn, châm biếm, vừa có tính dự phòng, chống cộng và chống độc tài nổi tiếng) đã cầm đầu một cuộc “cách mạng” trong trại súc vật, lãnh



Hình 7. Bìa cuốn *Animal Farm* của George Orwell

đạo tập thể loài vật trong trại, lật đổ chế độ bạo quyền của loài người mà ông chủ trại Jones tượng trưng, và đặt ra những nguyên tắc “bình đẳng” theo đó thoát tiên nêu lên khẩu hiệu “Mọi loài vật đều bình đẳng” rồi sau đó lại kín đáo đổi lại là “Mọi loài vật đều bình đẳng, nhưng một số con vật lại bình đẳng hơn các con khác,” và điều sau này nghiệm lại thấy đúng y như “đặc quyền” dành cho các cấp lãnh đạo trong Bộ Chính Trị của những chính thể cộng sản toàn trị.

Heo trong tình duyên

Con heo đã đứng giữa việc tỏ tình của người: trong chuyện trai gái ong bướm, chàng trai Việt không theo lối tỏ tình bộc trực của tài tử John Wayne – người đã tán người

tình do tài tử Maureen O’Hare đóng trong một phim bằng câu “I need you” nghe thực tế nhưng thiếu lãng mạn. Chàng trai Việt thì không thế. Trong ca dao, khi chàng trai Việt ngỏ ý với người con gái, chàng lầu lăm. Chàng chịu khó tán loanh quanh luẩn quẩn, vòng vo Tam quốc, thoát đầu thì vờ quên áo, rồi nói xạo là để quên trên cành hoa sen. Ai cũng biết cành hoa sen dài và dễ gãy không thể chịu được sức nặng của chiếc áo nâu sồng. Hơn nữa, nói để áo gần hoa sen cho nàng tưởng thơm tho, chứ ai mà chả biết, nếu chàng đi tát nước đầu đình, nóng nực mồ hôi mồ kê nhễ nhại thì áo phải sặc mùi mồ hôi muối hay mồ hôi dầu chứ quý báu gì? Ấy vậy mà còn ỡm ờ hỏi xem nàng có “được” không thì “cho anh xin” [ai cho xung hô anh em nghe ngọt xót!], rồi tả oán áo sút chỉ đường tà, nói chưa có vợ, mẹ già chưa khâu, nhờ người khâu dùm, rồi hứa sẽ giúp nàng xôi vò, và lợn, và rượu tắm, rồi chiếu cho em nằm, chăn cho em đắp, đôi bông tai (trầm) cho em đeo, rồi tiền thách cưới. Nghĩa là chàng hứa tùm lum, là sẽ cho nàng đủ thứ, trong đó có con “lợn béo” là con vật dùng trong lễ cưới.

*Giúp em một thúng xôi vò
Một con lợn béo ba vò rượu tắm.*

Dòng giống và duyên dáng.

Mua heo lựa nái, cưới gái lựa dòng. Người con gái trời cho có duyên thì quý hơn vàng bạc. *Còn duyên anh cưới ba heo. Hết duyên anh đánh ba hèo đuôi đi⁴* (ca dao). Xem như thế thì trong việc kén vợ chọn chồng, các cụ xưa coi giống giống là quan trọng (*lấy vợ xem tông, lấy chồng*

⁴ Hèo: cây gậy làm bằng thân cây hèo, một thứ cây thuộc họ cau, thân thẳng có nhiều đốt, thường dùng làm gậy chống có buộc tua của các quan xưa

xem giống), nhưng xin quý vị nữ lưu, nhất là quý vị nào coi đàn bà là ưu việt hơn đàn ông và tôn trọng nữ quyền cực đoan, mà người Mỹ gọi là “female chauvinist sow” (mà một nhà báo viết mục hài đàm là ông Bùi Bảo Trúc, hồi còn sinh tiền, gọi là “heo nái sô vanh”), nếu đọc đến câu ca dao “cưới ba heo, đánh ba heo” xin đừng phật lòng vì thấy bị ví với heo. Không ai dám đâu! Đây chỉ là món sính lễ tượng trưng khi cưới hỏi (*ba đồng một mớ trâu cay/Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không*), nên ở nhà quê ngày xưa khi dẫn cưới đến *ba* con heo là lớn lắm! Hơn nữa, thời xưa mới có chuyện chồng đánh vợ mà thôi. Ngày nay rất hiếm thấy những người đàn ông vũ phu trịch thượng, coi mình là nhất, mà tiếng Anh gọi là “male chauvinist pig” (heo đực sô vanh, trọng nam khinh nữ), vì tất cả những ông chồng gương mẫu ủng hộ thuyết nam nữ bình quyền, mà kẻ viết bài này biết rõ, đều không dám đánh vợ (luật Mỹ cấm), dầu là đập nhẹ bằng một đóa hoa hồng (thành ngữ Pháp khuyên không nên: *On ne frappe pas les femmes, même avec une rose*), vì phần lớn các ông ngay từ khi là học sinh đã được mẹ hay chị hay em gái hay thầy cô dạy cho cách xử sự gallant hào hoa với các nàng, và sau khi lập gia đình, sớm muộn chẳng ai cưỡng bách, các ông đều tự nguyện ghi danh gia nhập hội nịnh đầm hay có tên khác là hội “*les sor*” (Đọc sơ với dầu nặng, nhưng nếu lỡ miệng đọc nhịu sơ với dầu huyền thì có thể bị mắng chứ không bị mẹ cháu phạt), dĩ hòa vi quý.

Các thứ heo

Theo tự điển Lê Văn Đức thì “heo to” hay lợn vừa lớn lên (còn gọi là “heo tháu”) thì gọi là “lợn bột”. “Heo nọc” là lợn đực nuôi lấy giống, còn gọi là “lợn cán” (câu đối: lợn cán ăn cám tòn/Chó khôn chó cắn càn - Trạng

Quỳnh). Thú lợn to, mõm ngắn, mắt híp, mắt nhiều lần xếp thì gọi là “heo ỷ” hay “lợn ỷ” hay “heo ú”. “Heo rừng” hay “lợn lòi” ở rừng, thích ăn khoai củ, gáy to, đít thon, chân cao, không mỡ.



Hình 8. Heo rừng, lợn lòi,
wild boar

Trong một kịch thơ của Shakespeare, tựa là *Venus and Adonis* (1593), có kể chuyện tình bi thảm của chàng Adonis đẹp trai được nàng vệ nữ thần Venus mê như điên đảo. Nàng khuyên chàng chớ vào rừng săn heo; nhưng chàng mê đi săn không nghe, bị heo rừng cắn chết.

“Lợn lòi” hay hay “lợn rừng” còn gọi là “heo lăn chai” da dày cứng, nanh dài, rất khỏe, dám cự với cọp (tiếng Anh gọi là *wild boar* có nanh dài). Nó thường tìm chỗ chai rái mà lăn cho dày da, có ý để mà đấu với cọp, cọp bầu không phùng (Đại Nam



Hình 9. *Venus and Adonis*
của danh họa Titian.

Quốc Âm Tự Vị, Huỳnh Tịnh Paulus Của, 1895, p. 414). Có một nhà sản xuất quần áo đi rừng đã in hình 3D con heo rừng làm nhãn hiệu. Bán được nhiều dù giá đắt, không biết có phải quý ông đi săn thích vì phẩm chất tốt, hay mặc cho vững bụng, bớt sợ nhỡ rùi gặp heo rừng, rồi chung số phận với chàng Adonis trong kịch thơ xưa hay không.

“Heo bắt nọc” là con heo con trọi (to) hơn hết trong bầy, dành riêng cho chủ heo nọc hay heo thiến để đền công,

trường hợp ông chủ heo không ăn tiền. (Cũng lạ: công là công của con heo nọc, còn ông chủ heo không làm gì hết mà ông được lãnh tiền thưởng?)

Nếu chưa thiến thì con heo đực gọi là “heo đái” (chà! tên gọi *dễ nhớ* thể này thì có bị Alzheimer cũng quên làm sao được? đúng là call a spade a spade). “Heo cỏ” là heo nhỏ con, bụng sà lưng ên; “heo sữa” là heo con mới đẻ còn bú sữa; khi dứt sữa heo ra bầy (*piglets*) thì gọi là “heo choai”; heo đực tơ chưa được (hay *bị* ?) hoạn, gọi là heo đái như đã nói ở trên, hay “heo hạch”; heo thiến còn tơ thì gọi là *barrow*. Heo nái còn tơ tiếng Anh gọi là *gilt*. Lợn cái thường gọi lợn nái có tài nuôi con khéo, nhiều năm sinh con đẻ cái, lợn nái thành lợn sề. “Heo đất” không phải là con heo thật mà là con lợn đất có khe để bỏ tiền xu (quarters thì được ưa hơn nickels, ông Ben Franklin tuy chỉ là nhà khoa học và làm đại sứ Mỹ ở Pháp nhưng hình ông (\$100) được trọng hơn ông Lincoln (\$5.00), dù ông này là tổng thống). Heo đất để dành tiền nên gọi là *piggy bank*. “Heo đèo” là con heo nhỏ nhất trong bầy, thường là con *thừa* vú --thực ra là *thiếu* vú-- tí như bà lợn mẹ có 14 vú nhưng bà lại sinh được 15 con, thành thử chú heo này cứ phải chạy đi chạy lại bú chực, vậy nên nhỏ nhất trong bầy. “Heo đò” là con heo làm thịt rồi để cúng nguyên con như trong chữ “Cúng heo đò”. Con heo --bất kể đực hay cái-- lúc vui sung sức chạy dõn một mình gọi là “heo đú mõ”. Cũng nên phân biệt: “Cháo heo” không phải là món “cháo lòng” ngon miệng mà là “cháo nấu nhiều món lợn lạo cho heo ăn” (*Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, trang 415, cột bên phải).

“Heo đút lò” hay heo quay (kim trư) là heo làm thịt xong để nguyên con, ướp gia vị rồi nướng vàng nâu trong lò đặc biệt, cứ cách chừng nửa giờ lại lấy ống chích hay

chỗ nhỏ đựng xì-dầu có ngũ vị hương (five spices) chích hay chỗ nhỏ đựng xì-dầu có ngũ vị hương (five spices) chích hay quét vào miếng thịt heo để vị mặn lan đều khắp tầng thịt



Hình 10: Hình heo sữa quay nguyên con

heo (tiếng Anh gọi roast pork). Nhà văn và người viết luận văn (essayist) người Anh Charles Lamb (1755-1834) có viết một tùy bút về nguồn gốc thịt heo quay tên là A Dissertation Upon Roast Pig. Theo truyện, con người, theo một tài liệu cổ, chỉ biết ăn thịt sống trong bảy ngàn năm, nhưng một ngày kia một người Trung Hoa, sau một vụ cháy nhà, con ông Ho-ti trong khi dọn dẹp chạy vào chuồng lợn thấy mùi thơm bốc lên ngào ngạt, chợt thấy một con heo sữa cháy vàng, bẻ một miếng da ăn thử thì thấy ròn, thơm... “À, ngon ghê!” từ đó nghĩ ra cách làm thịt quay.

“Heo gạo” là heo bệnh có ổ sên (sán) trong thịt lốm đốm như gạo. Vị nào ưa nhậu nem chua thì cẩn thận.

“Heo gió” là heo bị chết dịch, chết vì bệnh toi; “Heo lốt ổ” là con heo chết khi vừa lột lông ra; “heo lúra” là heo choai mới lớn lên.

“Heo nuôi rẽ” là heo giao cho người khác nuôi với vốn của người này; để sau tiền bán heo được chia tứ lục (người nuôi 60%, chủ con heo 40%).

“Heo ra bầy” là heo vừa dứt sữa, có thể nuôi riêng chuồng hoặc bán.

“Heo vá chàm” là heo có vá trắng trên đầu; heo có nhiều vá đen trắng xen nhau thì gọi là “heo bông”; giống heo to con lông nhiều thì gọi là “heo voi”.

Thịt gì tên đó

[Phần này kể tên các thứ thịt heo phần lớn quý bà, quý cô, hay các ông giới nấu nướng đều biết, nhưng cũng xin lược qua để ôn lại và làm tài liệu cho sinh viên Việt quen với tiếng Anh gọi tên cho đúng khi đi chợ Á châu].

Phần thịt lợn ở vòng bụng có ba thứ nạc xen với mỡ (da, mỡ, thịt) thì gọi là “thịt ba chỉ” hay “thịt ba rọi” (bacon); “thịt lợn nạc thì gọi là “thịt thăn”. “Thịt bằm” là thịt heo có chút mỡ bằm nhuyễn; như món “canh thịt bằm, cháo thịt bằm”; thịt heo nạc ram mặn rồi giã toi như bông thì gọi là “ruốc” hay “thịt chà bông”.

“Thịt thủ” (hay thịt sỏ) là thịt đầu heo có cả tai và mũi. Tiếng Anh gọi là *head cheese*.

Người Áo gọi là *Presswurst*, người Đức gọi là *Presskopf* hay *Schwartenmagen*. “Thịt



Hình 11. *Head cheese, thịt thủ*

kho” là thịt heo ba rọi hay bắp đùi kho với nước mắm, tiêu và hành; “thịt kho khô” là thịt nạc heo thái mỏng kho khô với nước mắm cho rút cạn; “Thịt kho tàu” (caramelized pork) là thịt heo bắp đùi xắt khối vuông ướp rồi kho với nước tương và tỏi; thịt heo xẻ lén, không đóng thuế thì gọi là “thịt lậu; “thịt mỡ” là thịt heo luộc, hay thịt phay thái mỏng, có bì, mỡ và thịt nạc, chứ không phải chỉ có mỡ không mà thôi! Như trong câu đối Tết:

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ
Cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh

“Thịt nguội” (cold cuts, charcuterie), là thịt heo làm thành nhiều thức ăn để ăn nguội kẹp với bánh mì. “Thịt phá lấu” là thịt và lòng heo, gà, vịt, ướp nhiều gia vị thơm rồi nấu với lửa riu-riu cho chín. Như phá lấu của chú Tàu ở bên ngoài Viễn Đông đường Lê Lợi năm nào.

Thịt heo có chút mỡ ướp mặn mặn rồi ram vàng gọi là “thịt ram”.



Hình 12. Thịt nguội, cold cuts, charcuterie

“Thịt dư” (tonsils) là miếng thịt ở hạch mọc ở cổ có khi bác sĩ thấy cần phải giải phẫu cắt đi. Chớ nhầm với “thịt thừa” là tiếng lóng chỉ “con cái lòng thòng làm cục lòng cha mẹ,” như trong câu “Còn cục thịt thừa biết bỏ cho ai”.

“Thịt thừa” còn có nghĩa là bộ phận sinh dục nam:

Chim kêu trên đọt cây dừa,
Một cục thịt thừa năm bảy người đeo

(Ca dao; Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ Việt Nam Tự Điển, quyển Hạ, p. 1562, cột bên trái). [Tên gọi là “thừa” mà thực sự không thừa. Năm bảy người đeo thì là thiếu chứ?]

Thịt heo nạc lóc dài có chút mỡ, ướp gia vị rồi nướng gọi là “thịt xá xíu”.

“Giò heo”: chân lợn, như trong “bánh canh giò heo”; “giò heo” còn là tiếng chỉ “bao da đựng súng lục”.

“Giò lái”: chân sau. “Móc giò lái” chỉ “chơi sỏ” như cầu thủ bóng đá khiêu nại với trọng tài: “anh ấy đá giò lái tôi”.

“Giò lụa” hay “chả lụa”: giò làm bằng thịt lợn nạc, giã nhỏ rất mịn, nhuyển, gói trong lá chuối buộc chặt rồi luộc (hay hấp) chín như bánh chưng. Còn có các loại giò như: giò hoa (có lòng đỏ trứng ở giữa), giò bì (nhân có thêm da); giò thủ (nhân có thịt đầu, tai và mũi heo).

Bánh da lợn là bánh làm giống cái da heo, phân ra trắng đỏ nhiều lớp; chớ nhầm với “pork-rind” giống như món tóp mỡ là món da có thêm chút mỡ ướp muối, có bột ớt, rán với nhiều dầu, nổi tiếng ở Texas, nhai ròn rụm, mà cựu tổng thống Bush rất ưa và có lần nằm trên giường vừa đọc sách vừa ăn nên bị vương ở cổ suýt nữa bị chết hóc.

Ca dao tục ngữ.

Thịt nào gia vị ấy

Trong việc nấu nướng, mỗi thứ thịt cần một thứ rau riêng, như thịt lợn thì phải có hành, thịt gà có lá chanh, món “mộc tòn” ở Việt Nam thì phải có riềng:

*Con gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi.
Con chó khóc đứng khóc ngồi,
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.*

-“Ông ăn chả, bà ăn nem” câu tục ngữ này không chỉ hai món ngon [“chả”: thịt giã nhuyển với trứng vịt hoặc không, rồi hấp, chiên hay nướng; “nem”: thịt heo sống quét nhuyển trộn với thính (gạo rang xay thành bột) rồi gói

vuông; cũng phân biệt “nem rán” chỉ “chả giò,” một món ngon phổ thông đã du nhập vào từ ngữ ẩm thực khắp thế giới.] Nghĩa bóng câu tục ngữ này là hai vợ chồng ngoại tình.

- Khi say sưa nhậu nhẹt với bạn, một số quý ông quên lời dặn dò của người yêu:

*Tay cầm bầu rượu nắm nem,
Mảng vui quên hết lời em dặn dò.*

- Trách kẻ bạc tình:

*Có chả em tính phụ xôi
Có cam phụ quít, có người phụ ta. (Ca dao)*

- Gỏi thềm nem thừa (tục ngữ):

Thức ăn ngon hay thú vui không nên dùng hay chơi hết sức, vì nhiều quá thì chán; cũng có nghĩa món thì nhiều, món thì ít, không đều nhau.

- Lợn đói một năm không bằng tầm đói một bữa: Giống tầm đói thì bò rờ rạy làm cho người chăn tầm quỳnh lên; quá bữa lâu tầm có thể chết nên người chăn tầm càng lo nhiều hơn nữa; heo đói cũng kêu vang, nhưng dầu có đói đi ba ngày cũng không chết, nên người nuôi chẳng mấy lo.

- Lợn đực chuộng phê, lợn sề chuộng chõm : nuôi lợn, nếu là lợn đực thì chọn con mập béo, to con, nếu là lợn cái (để nuôi nái) thì chọn con mình thon, mắn con.

- Lợn lành chữa lợn toi: nhà có heo bệnh, phải bán heo lành mạnh chạy thuốc cho con bị bệnh, hay làm thịt để cúng vái.

- Lợn lành chữa ra lợn què: món đồ hư khi sửa xong lại hư nhiều.

- Bắt lợn tóm giò, bắt bò tóm mũi: Biết tìm đúng yếu điểm, lái lợn nắm được hai chân sau của lợn thì không bị nó cắn mà bắt trời cũng dễ; bò tóm chỗ lỗ mũi là chỗ thịt mềm dễ đau nên bò đứng yên, để cho buộc lại.

- Lợn tó, gà tò: “khi gần giống cái, lợn đực (giống heo vòi) ló dương vật ra (như chổng tó, gọng xe bò); còn gà trống thì xê cánh tò-vò quanh con mái” (*sic*). (*Việt Nam Tự điển*, của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, quyển Thượng, Phần Phụ Lục. Tục ngữ - Thành ngữ - Điển tích, p. 210.)

- Lợn trong chuồng thả ra mà đuôi: tự mình gây ra chuyện khó khăn cho mình.

- Miếng thịt làng bằng sàng thịt chợ: Ăn uống chốn đình trung ngày xưa còn biểu hiệu thứ tự trên dưới, sĩ diện, nên miếng ăn còn tượng trưng lòng kính nể, như ông tiên chỉ thì được dành cái thủ lợn hay đầu gà.

- Nuôi heo rán lấy mỡ: có con nhờ con, nuôi con đỡ chân tay. Câu này nghịch nghĩa với câu “Thịt thừa”: Con cái lòng thông làm cục lòng cha mẹ: “Còn cục thịt thừa biết bỏ cho ai” đã nói ở trên.

- Bậy như cháo heo: rối loạn, hỗn hào, không còn cang thường lễ nghĩa. Thường nói bà con trong nhà sóc óc, không nhìn nhau i(Tự vị Huỳnh Tịnh Của).

- Múc nước cạo lông heo: chỉ công việc hèn mạt.

- Treo đầu heo bán thịt chó: thói thiếu thật thà của con buôn.

- Một vợ nằm giường lèo,
Hai vợ nằm chèo queo,
Ba vợ ra chuồng heo mà nằm.

Một cách giải thích: Lời than của ông chồng trong chế độ đa thê, năm thê bảy thiếp ngày xưa, chịu cảnh các bà vợ ghen tuông, đành chọn nơi cô đơn dù không thơm tho, như chuồng heo, để khỏi bị quấy rầy. Một cách giải thích nữa là viễn tượng về phần thưởng cho mấy ông chồng chịu “ăn cơm nhà” kèm theo lời đe dọa nghiêm khắc của bà vợ để ông nào ưa ăn “quà chợ” biết để mà tồn.

Tục ngữ về heo trong tiếng Anh và tiếng Pháp

- I like pigs. Dogs look up to you. Cats look down on you. Pigs treat you like an equal. (Winston Churchill, 1874-1965, thủ tướng Anh). Tôi thích lợn. Chó ngưỡng lên nhìn chủ, mèo nhìn xuống mặt chủ, heo nhìn thẳng vào mặt chủ như người bình đẳng.

- Chez moi, quand on tue un cochon, tout le monde rit! Sauf the cochon” (Edgar Faure, thủ tướng

Pháp), ở nơi tôi ở, khi giết heo ai cũng vui cười, trừ con heo bị làm thịt.

- Dans le cochon, tout est bon, même l'intérieur. Ở con lợn bộ phận nào cũng ngon, ngay cả bộ phận bên trong bụng nó.

- Ne fais pas le boudin avant d'avoir tué le cochon. (proverbe créole) đừng làm dồi tiết trước khi giết lợn.

- Vous pouvez mettre du rouge à lèvres sur un cochon. Ça restera toujours un cochon. You can put lipstick on a pig. It's still a pig. (Barack Obama, tổng thống Mỹ) bạn có thể tô môi son cho con lợn. Nhưng nó vẫn là con lợn. (Obama điều trong cuộc tranh cử tổng thống của thượng nghị sĩ John McCain và bà thống đốc Alaska là bà Sarah Palin.

- Don't wrestle with pigs. You will get dirty and the pig likes it. Đừng đấu vật với con heo. Bạn sẽ bị dơ dáy còn con heo thì thích lắm. (Mark Twain, tiểu thuyết gia và văn sĩ châm biếm Mỹ). Cũng có nguồn cho là câu này của nhà viết kịch George Bernard Shaw: I learned long ago, never to wrestle with a pig. You get dirty, and besides, the pig likes it. (Source: Brainyquote.com)

Những tiếng đồng nghĩa với heo

Tra tự điển thì thấy ít nhất có trên 20 chữ chỉ các loại heo: pig, hog (lợn thịt), (Idioms) Go the whole hog: làm việc gì kỹ lưỡng. Don't be such a hog: đừng ăn hay vor nhiều quá về phần mình; go hog wild: bỗng nhiên không kiểm chế nổi, cuồng lên; hogwash: nghĩa đen: nước rửa bát vo gạo cho lợn ăn, nghĩa bóng: chuyện nói dối, nói xạo, viển vông vô lý; sow: (lợn sề); thành ngữ: you can't make a silk purse out of a sow's ear: (Bạn không thể làm một cái túi lụa bằng tai con heo nái): nước lã chẳng vã nên hồ; bạn không thể chế ra một vật tốt bằng chất liệu xấu. Bạn không thể dạy cho một anh bản tính quê mùa cách sống lịch lãm.

Boar: (lợn đực); razorback (Lợn rừng, sống lưng gò, sống ở Nam Hoa Kỳ và Úc); Razorbacks cũng là tên đội bóng bầu dục của đại học Arkansas; peccary (lợn sống ở Trung và Nam Mỹ), warthog (lợn rừng Phi châu, có răng dài lòi ra hai bên mõm), babirusa (lợn rừng lớn); porker (lợn vỗ béo để làm thịt); oinker (con heo; oink: tiếng lợn kêu); swine: heo, cũng chỉ người đáng khinh bỉ. Tương tự: hog như a swine farm, a hog farm, trại nuôi heo. Dùng swine không có s dù số nhiều. A swine-herd: người chăn heo. Tháng chín dương lịch, dân ở Hoa Kỳ khi ra tiệm thuốc tây thường được nhắc chích ngừa cúm (swine flu shot).

- Thành ngữ: Cast pearls before swine: (gieo ngọc trai trước mặt heo): mời ai một vật gì đẹp hay quý mà người đó không biết giá trị hay cái đẹp của vật ấy thì cũng phí đi. Invite him a French dinner is like casting one's pearls before swine, mời anh ta ăn cơm tây mà anh là kẻ thực bất tri kỳ vị.

Idioms: We pigged out on pizza: chúng tôi ra ngoài ăn bánh mì kiểu Ý pít-za no căng bụng. When pigs fly (hay: pigs might fly, tương tự: “Chờ đến Tết Công Gô”): (lời nói ngoa dụ, chỉ chuyện không bao giờ hay khó có thể xảy ra.) --“Boss, can I take a three-month vacation? --“Yes, when pigs fly!”

- “Shoat”: heo con vừa cai sữa; piglet (lợn con), pigling hay hogling (cũng như piglet); piggish: ăn phàm phu, ở bẩn, thiếu tư cách; piggy-headed: cứng đầu; pig-eyed: mắt ti-hí; piggyback: cõng trên vai hay trên lưng; suckling pig, (heo sữa, từ 2 đến 6 tuần, thường để quay cả con); piggery: trại nuôi lợn; pig sty: chuồng heo.

Pigtail: tóc tết đuôi sam; pig trotter: cẳng heo; pig-sticking: cưỡi ngựa săn heo rừng bằng giáo dài; pig-dog: loại chó săn heo rừng.

Thành ngữ: To buy a pig in a poke: mua trâu vẽ bóng, mua một món đồ mà chưa biết hình thù ra sao. Ex: If you don't examine the engine of a used car you intend to buy, you may wind up buying a pig in a poke. (Richard A. Pears, Dictionary of American Idioms and Phrasal Verbs, 2005)

- To give anyone a pig in his own sow: trả nợ; đối xử sòng phẳng.

- To bring a pig to a wrong market: kinh doanh thất bại, không bán được món đồ của mình.

- To make a pig of oneself: ăn phàm, ăn căng bụng, thô tục như heo.

- To pig together=ở bẩn như heo.

- Pig-licking good: ngon miệng. các đây vài thập niên, có lần Connie Chung, nữ phóng viên truyền hình CBS, ở cuối thế kỷ trước, trong một bài phỏng vấn ông bà thân sinh ra ông Chủ tịch Hạ viện Newt Gingrich, được ông cụ làm bánh ngọt mời ăn và ông cụ nói bánh của cụ làm rất ngon bằng thành ngữ pig-licking good.

- Sow: lợn nái. Male chauvinist pig: đàn ông có óc kỳ thị, trọng nam khinh nữ, không coi phụ nữ có khả năng và ngang quyền với nam giới (chữ dùng nhiều ở thập niên 1960s và 1970s). Trái với chữ *male chauvinist pig* có chữ *feminist* là người ủng hộ và bênh vực nữ quyền.

- Guinea pig, thú chuột lang (tên là pig mà không phải là heo).

Guinea pig là giống chuột lang trông như thỏ, không có đuôi, trẻ em Mỹ hay nuôi làm vật cưng trong nhà hay trong lớp, thường dùng trong phòng thí nghiệm; cũng chỉ kẻ dễ bị lợi dụng làm vật thí nghiệm.

- Picnic ham: thịt vai, thịt jambon

- Rib-chop: thịt sườn, spareribs.

- Tenderloin: thịt thăn.

- Pork-pie: bánh nhân thịt lợn.

- Pork-butcher: chủ hàng thịt heo

- Hock: chân giò sau

- Center loin: nạc lưng.

Tiếng lóng (slang) nên dùng cẩn thận vì có thể va chạm.

- Pork: tiền, của hay chức vụ đặc quyền mà mấy ông dân biểu hay nhân viên chính phủ giúp cho cử tri của địa phương đã ủng hộ mình. Tương tự là Pork-barrel: dự án, tiền của chính phủ liên bang mà một dân biểu hay nghị sĩ dành cho công trình địa phương của mình để kiếm phiếu bầu.

- Pork chopper: nhân viên cõ cánh, (nguyên nghĩa pork chop: thịt vai, hông, hay lưng mềm hay sườn). Nhân viên cõ cánh nghiệp đoàn ngày xưa, chủ bao che, chỉ ngồi chơi soi nước (William Safire, Safire's New Political Dictionary, rev. 1978, New York: Random House),

- Pig: cớm, tiếng lóng chỉ cảnh sát (bắt đầu dùng từ 1848, tiếng bọn côn đồ dùng); bóp dụng tiền, từ chữ pigskin, tiếng bọn ăn cắp dùng). Pigskin còn có nghĩa là trái banh bầu dục, hay cái yên ngựa.

- Pigboat: tàu ngầm.

- Pig mobile: xe cảnh sát, police car.

- Pig between two sheets: bánh sandwich kẹp nhân thịt heo.

- Pig shave: kiểu cắt tóc ngắn crew cut.

- Pig sweat: rượu bia, cũng chỉ rượu whiskey hạng tồi, còn chữ pig-iron thông thường nghĩa là gang.

- Piggy-wiggy: con lợn con, đứa bé bần thủ.

- Hog's leg: khẩu súng lục.

Danh ngôn và Vè Ru Em

- To market to market to buy a fat pig, home again, home again, jiggerty-jig (Vè ru em *To market, To market*)

- *Lawsuit*: a machine which you go into as a pig and come out as sausage. Ambrose Bierce (1842- c1914) *The Devil's Dictionary* [1906] Một vụ kiện cũng như một cái máy nghiền thịt heo, khi vào thì còn nguyên con heo, khi xong vụ kiện thì thành xúc-xích. Ambrose Bierce là một văn sĩ Mỹ có giọng trào phúng, nhạo báng. Ta có thành ngữ: Vô phúc mới đáo tụng đình.

- Vè ru em dạy cho các em bé cách đếm năm ngón chân: This little pig went to market; This little pig stayed home; This little pig had roast beef; This little pig had none; And this little pig cried, Wee, wee, wee! All the way home.

Figure 13. Little girls counting toes



- It is better to be a human being dissatisfied than a pig satisfied; better to be Socrates dissatisfied than a fool satisfied (John Stuart Mill, American political philosopher (1806-1873) “On Liberty” (Thà làm người mà bất mãn còn hơn làm con lợn mãn nguyện, thà làm hiền triết Socrates bất mãn còn hơn một tên xuẩn ngốc mãn nguyện.) *Utilitarianism* (1863)

- Edible: (adj.) good to eat, and wholesome to digest, as a worm to a toad, a toad to a snake, a snake to a pig, a pig to a man, and a man to a worm. [Ambrose Bierce, *The Devil's Dictionary*.]

(Ăn được: ăn bổ và ngon lành, dễ tiêu như con giun ăn bổ đối với con cóc, con cóc ăn bổ đối với con rắn, con rắn ăn bổ đối với con heo, con heo ăn bổ đối với con người, con người ăn bổ đối với con giun.)

Curlylocks! Curlylocks! Wilt thou be mine?
Thou shalt not wash dishes,
Nor yet feed the swine.
But sit on a cushion
And sew a fine seam.
And feed upon strawberries,
Sugar, and cream.

(Anonymous, Nursery Rhymes)

(Người đẹp tóc quăn! người đẹp tóc quăn!
mình lấy ta chăng?
Sẽ không phải rửa bát hay cho heo ăn.
Nhưng ngồi trên gối êm, may đường may đẹp.
Ăn trái dâu tươi, đường và kem ngọt.
(Vô danh, Vè ru em)

Kết Luận.

Tục ngữ và ca dao về heo còn nhiều, nhưng xem như thế thì thấy trong tục ngữ, ca dao hay vè ru em, tiếng Việt lẫn tiếng Anh hay tiếng Pháp đều phản ánh những nhận xét đôi khi bất công về con heo. Tuy nhiên, vì ca dao hay tục ngữ gián tiếp cho ta rõ lối suy nghĩ của từng dân tộc, và qua từng thời đại, và vì lối sống thay đổi, nên có nhiều câu ngày nay không còn hợp thời, có câu bây giờ nếu nói vô ý lỡ lời

có thể bị coi là xúc phạm, thiếu nhã nhặn, kỳ thị phái tính, tôn giáo, chủng tộc... Riêng con heo là một con vật tương đối dễ nuôi (ngoại trừ giống lợn lòi nguy hiểm hay phá hoại mùa màng, nhưng nó lại là tổ phụ giống lợn nhà bây giờ), còn thì tự trung, nuôi heo mang thêm lợi tức cho nhà nông. Con heo thực đã đóng một vai trò quan trọng trọng đời sống văn hóa, tập tục và tín ngưỡng của người Việt. Ngoài việc quan hôn tang tế, thịt heo còn dùng làm đủ món ăn ngon từ lòng heo, chân giò heo, đến bánh canh giò heo, món bóng (da lợn), rựa mặn, thịt đông (im thìn thít như thịt nấu đông), các loại giò, chả, bún chả, nem chua, thịt kho, v.v... cả trăm món qua tài nấu nướng của quý bà quý cô và quý ông trong những ngày giỗ tết và các buổi hội họp. ■

Virginia, October 31, 2018.

Phạm Trọng Lê

